

Câu	Phần	Nội dung	Thang điểm
1	1/	* Liệt kê những nguyên tắc kế toán theo chuẩn mực chung: Có 07 nguyên tắc: 1- Cơ sở dồn tích 2- Hoạt động liên tục 3- Giá gốc 4- Phù hợp 5- Nhất quán 6- Thận trọng 7- Trọng yếu	1,0
	2/	* Cụ thể 7 những nguyên tắc kế toán theo chuẩn mực chung: (Lưu ý: tính điểm 1 nguyên tắc cụ thể) 1- Cơ sở dồn tích Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp liên quan đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. Báo cáo tài chính lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai. 2- Hoạt động liên tục Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, nghĩa là doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Trường hợp thực tế khác với giả định hoạt động liên tục thì báo cáo tài chính phải lập trên một cơ sở khác và phải giải thích cơ sở đã sử dụng để lập báo cáo tài chính. 3- Giá gốc Tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài	1,0

Câu	Phần	Nội dung	Thang điểm
		sản được ghi nhận. Giá gốc của tài sản không được thay đổi trừ khi có quy định khác trong chuẩn mực kế toán cụ thể. 4- Phù hợp Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. 5- Nhất quán Các chính sách và phương pháp kế toán doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính. 6- Thận trọng Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi: a/ Phải lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn; b/ Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập; c/ Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí; d/ Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí. 7- Trọng yếu Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính. Tính trọng yếu phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc các sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Tính trọng yếu của thông tin phải được xem xét trên cả phương diện định lượng và định tính.	
Tổng điểm câu 1			2,0đ

Câu	Phần	Nội dung	Thang điểm
2	1/	* Định khoản các nghiệp vụ KTPS (ĐVT: 1.000đ) Nợ TK 152M 132.000 (6.000 x 22) Nợ TK 152N 504.000 (12.000 x 42) Nợ TK 133 63.600 (636.000 x 10%) Có TK 112 699.600/2 = 349.800 Có TK 331 699.600/2 = 349.800	0,5
	2/	Nợ TK 621 529.000 Có TK 152M 5.000 x 22,8 = 114.000 Có TK 152N 10.000 x 41,5 = 415.000	0,25
	3/	Nợ TK 152 M 239.000 + 1.000 = 240.000 Có TK 331 239.000 (10.000 x 23,9) Có TK 111 1.000 (10.000 x 0,1) => 1 kg vật liệu M: 24 ngđ	0,5
	4/	Nợ TK 152N 668.800 + 4.200 = 673.000 Có TK 112 334.400 (16.000 x 41,8)/2 Có TK 331 334.400 (16.000 x 41,8)/2 Có TK 111 4.200 => 1 kg vật liệu N: 42,0625 ngđ	0,5
	5/	Nợ TK 621 (10.000 x 22,8) = 228.000 Nợ TK 627 (1.000 x 22,8) = 22.800 Nợ TK 642 (2.000 x 22,8) = 45.600 Có TK 152M (13.000 x 22,8) = 296.400	0,25
	6/	Nợ TK 621 (20.000 x 41,5) = 830.000 Nợ TK 627 (1.500 x 41,5) = 62.250 Nợ TK 642 (1.500 x 41,5) = 62.250 Có TK 152N (23.000 x 41,5) = 954.500 ĐGBQ _M = [(2.000 x 20) + (6.000 x 22) + (10.000 x 24)]/18.000 = 22,8 ngđ/kg ĐGBQ _N = [(6.000 x 39) + (12.000 x 42) + 673.000]/34.000 = 41,5 ngđ/kg	0,5
Tổng điểm câu 2			3,0đ
3	1/	Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh (ĐVT: 1.000 đ): a. Nợ TK 621 25.000 Nợ TK 627 1.500 Có TK 152 26.500	0,5đ

Câu	Phần	Nội dung	Thang điểm
		b. Nợ TK 627 1.000 Nợ TK 641 500 Nợ TK 642 500 Nợ TK 242 2.000 Có TK 153 4.000	0,5đ
		c. Tính tiền lương phải trả từ các khoản trích theo lương: Nợ TK 622 20.000 Nợ TK 627 5.000 Nợ TK 641 2.000 Nợ TK 642 4.000 Có TK 334 31.000	0,5đ
		d. Nợ TK 622 4.700 $(20.000 \times 0,235)$ Nợ TK 627 1.175 $(5.000 \times 0,235)$ Nợ TK 641 470 $(2.000 \times 0,235)$ Nợ TK 642 940 $(4.000 \times 0,235)$ Có TK 338 7.285	0,5đ
		e. Nợ TK 627 900 Nợ TK 641 200 Nợ TK 642 200 Có TK 214 1.300	0,5đ
		f. Nợ TK 627 525 Nợ TK 641 130 Nợ TK 642 260 Có TK 111 915	0,5đ
		- Sản phẩm hoàn thành trong kỳ: $Q_{SPHT} = 1.500$ sp - CPSXDD đầu kỳ: 1.000 - CPSXDD cuối kỳ: 2.300 - Tập hợp CPSX phát sinh trong kỳ: g. Nợ TK 154 59.800 Có TK 621 25.000 Có TK 622 24.700 Có TK 627 10.100 Tổng $Z_{SPHT} = Dđ + C - Dc$ $= 1.000 + 59.800 - 2.300 = 58.500$ $\Rightarrow Z_{đv} = 58.500 / 1.500 = 39$ ngđ/sp (39.000 đ/sp) h. Nợ TK 155 58.500	0,75đ

